

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /2021/QĐST-VDS

Tam Nông, ngày 07 tháng 01 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự.**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Châu Thị Đông Cúc, Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Kim Ngân, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên họp:

Ông Trần Xuân Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST-VDS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc: “Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 05/2020/QĐST-VDS, ngày 23 tháng 12 năm 2020 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 2001.

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Huỳnh Tích C, sinh năm: 1962. (cha ruột anh T).

Cùng địa chỉ: ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh P, ông C có mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

- Tại đơn đơn yêu cầu cũng như tại phiên họp, người yêu cầu anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh P có nhận chuyển nhượng đất tại thửa số 99, tờ bản đồ số 12, diện tích 102 m², đất tại xã P, huyện T của hộ ông Huỳnh Tích C, trong hộ ông C có con là Huỳnh Ngọc T mất khả năng nhận thức, điều khiển hành vi nên không làm thủ tục sang tên cho anh P được. Nay anh P yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T mất năng lực hành vi dân sự.

- Theo lời khai cũng như tại phiên họp ông C thống nhất lời trình bày của anh P. Do đó đồng ý theo yêu cầu về việc tuyên bố anh T mất khả năng nhận thức, điều khiển hành vi. Bên cạnh đó ông C cho rằng: Từ khi sinh ra đến ngày hôm nay thì anh T bị bệnh khuyết tật, không nói được, không đi được, không nhận thức được, mọi sinh hoạt gia đình phải do người khác giúp đỡ. Gia đình đưa T đi khám ở Trung tâm pháp y tâm thần khu vực T kết luận như sau:

- Về y học: Hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần: chậm phát triển tâm thần nặng (F72-ICD10)

- Về năng lực: Hiện tại đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết của Thẩm phán chủ tọa phiên họp và Thư ký phiên họp đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát nhận xét việc yêu cầu của anh P tuyên bố anh T bị mất năng lực hành vi dân sự là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật nên đề nghị Chủ tọa phiên họp chấp nhận yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T có nơi cư trú tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh P yêu cầu tuyên bố anh T bị mất năng lực hành vi dân sự nên xác định yêu cầu về dân sự: “Tuyên bố một người bị mất năng lực hành vi dân sự” được quy định tại khoản 1 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên họp Anh P yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T là người bị mất năng lực hành vi dân sự. Xét yêu cầu của anh P là có căn cứ chấp nhận vì theo

lời trình bày của ông Huỳnh Tích C là cha của anh T cho rằng T không tự sinh hoạt cá nhân được, mọi sinh hoạt cá nhân phải có người chăm sóc, T không đi đứng được, không nói chuyện được T đã bị bệnh từ nhỏ, không tiếp xúc được với ai. Các lời khai trên phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên họp hôm nay xét thấy T đã có những dấu hiệu không bình thường về thần kinh.

Ngoài ra T được Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số: 256/QĐ-UBND ngày 03/03/2014 về việc trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật với số tiền 360.000 đồng/tháng.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số: 297/2020/KLGĐYC ngày 17/11/2020 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực T tại thành phố Cần Thơ kết luận T:

- Về y học: Hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần: Chậm phát triển tâm thần nặng (F72-ICD10).
- Về năng lực: Hiện tại đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Từ những cơ sở trên đã đủ căn cứ chứng minh anh T là người bị mất năng lực hành vi dân sự nên chấp nhận yêu cầu của anh P tuyên bố T là người bị mất năng lực hành vi dân sự là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ.

[3] Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét thấy phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ;

- Khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, khoản 4, Điều 361, khoản 3 Điều 367, 371, 372, 376, 378 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 22 của Bộ luật Dân sự.

- Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn P về việc “Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” đối với anh Huỳnh Ngọc T. Tuyên bố anh Huỳnh Ngọc T là người bị mất năng lực hành vi dân sự.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Văn P phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: BI/2019 0010251, ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H.Tam Nông;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Châu Thị Đông Cúc

Mẫu số 22-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/...../QĐST-.....⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v⁽³⁾

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

Các Thẩm phán: ⁽⁴⁾ Ông (Bà)

Ông (Bà)

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁵⁾

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **tham gia phiên họp:**
Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày..... tháng..... năm....., tại⁽⁶⁾mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số/...../TLST-.... ngày.... tháng năm..... về việc⁽⁷⁾theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số/...../QĐST-..... ngày.... tháng.... năm....., gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**⁽⁸⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁹⁾

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ⁽¹⁰⁾

.....

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**⁽¹¹⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹²⁾

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹³⁾

.....

- **Người làm chứng (nếu có):**⁽¹⁴⁾

.....

- **Người phiên dịch (nếu có):**⁽¹⁵⁾

.....

- **Người giám định (nếu có):**⁽¹⁶⁾

.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:⁽¹⁷⁾

.....

.....
.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dânnhận định:⁽¹⁸⁾

[1]

.....

[2].....

.....

[3].....

.....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ⁽¹⁹⁾

.....

- ⁽²⁰⁾

.....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự⁽²¹⁾

.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị⁽²²⁾

.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án⁽²³⁾

.....

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP** ⁽²⁴⁾

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

- (4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
- (5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.
- (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).
- (7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).
- (10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.
- (11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).
- (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).
- (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).
- (14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.
- (15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].
- (19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.
- (21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.
- (22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.
- (23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”